TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2022
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**
Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**
Ông **Nguyễn Ngọc Sơn**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Như Quỳnh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên toà: Ông **Phạm Mạnh Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1984; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 16, xã TV, huyện TT, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1980; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 16, xã TV, huyện TT, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn V ngày 22/7/2004, đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã PM (này là xã TV), huyện TT, tỉnh P. Sau khi kết hôn, tình cảm thời gian đầu hòa thuận, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã tạo điều kiện cho nhau để thay đổi nhưng không có kết quả. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và công việc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ tháng 6/2021 chị đã về nhà bố mẹ để cùng khu 16, xã TV để sinh sống, hai bên không còn liên hệ, quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh V.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoài L, sinh ngày 06/8/2006; cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 08/4/2009 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/01/2019. Hiện cháu T, cháu K đang ở cùng chị còn cháu L đang ở cùng anh V. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu K, còn cháu L và cháu T do các cháu lựa chọn ở với ai thì người đó nuôi. Chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Văn V đến làm việc và thông báo cho anh V đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án làm việc cùng bà Hà Thị Huê là mẹ đẻ của anh V cho biết:

Anh V và chị N kết hôn năm 2004, quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên anh V muốn chị N ở nhà làm công việc nội trợ để chăm nom các con nhưng chị N muốn được đi làm ở Công ty, từ đó đã nảy sinh mâu thuẫn. Bà đã trao đổi, liên lạc với anh V về việc chị N đề nghị ly hôn thì anh V đã nói lại với bà là không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ. Do anh V bận công việc nên không đến Tòa án, tuy nhiên văn bản tố tụng của Tòa án đã được bà Thông báo và giao cho anh V được biết, các văn bản tố tụng bà nhận thay và cam đoan giao ngay cho anh V. Anh V và chị N có 03 con chung, thời điểm tháng 06/2021 xảy ra mâu thuẫn thì chị N đã đưa cháu T, cháu K về nhà ngoại để ở, còn cháu L hiện ở cùng anh V.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TV và Hội liên hiệp phụ nữ xã TV, xác định: Anh V và chị N đăng ký kết hôn với nhau năm 2004 tại UBND xã PM(nay là xã TV), huyện TT, vợ chồng có 03 con chung. Quá trình vợ chồng chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, hiện tại hai bên đã sống ly thân. Anh V, chị N hiện làm nghề tự do, sinh sống tại địa phương. Nay chị N xin ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, nhất là bảo đảm quyền lợi đối với phụ nữ và trẻ em.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: *Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

- Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh V.*

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài L, sinh ngày 06/8/2006 cho anh V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 08/4/2009 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/01/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh V về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh V đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh V đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh

tại địa phương, kết quả thể hiện anh V vẫn sinh sống và có đăng ký HKTT tại Khu 16, xã TV, huyện TT, tỉnh P. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 207 BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Chị N có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh V vào ngày 22/7/2004 việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã TV, huyện TT, tỉnh P, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị N, anh V xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thực tế chung sống, chị N đã về sinh sống với bố, mẹ đẻ cũng tại khu 16, xã TV. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh V. Quá trình giải quyết anh V đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia hòa giải. Bà Hà Thị Huê là mẹ đẻ anh V cho biết, anh V thông qua bà đề nghị được đoàn tụ không muốn ly hôn để các con có cả bố và mẹ. Chính quyền địa phương, Hội phụ nữ xã TV, huyện TT xác định; chị N và anh V có mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân không còn chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ, trẻ em.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh V đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân được thời gian đã lâu, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không quan tâm, hợp tác hòa giải. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị được ly hôn anh V là phù hợp, tránh ràng buộc không có lợi.

[2]Về con chung: Chị N và anh V có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoài L, sinh ngày 06/8/2006, cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 08/4/2009 và và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/01/2019. Hiện cháu T, cháu K đang ở cùng chị N còn cháu L đang ở cùng anh V. Ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu K còn cháu L và cháu T do các cháu lựa chọn. Chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện cháu L đang ở cùng anh V, cháu T và cháu K đang ở cùng chị N. Các cháu đều có chỗ ở ổn định, được chăm sóc tốt, khỏe mạnh. Cháu K, sinh ngày 20/01/2019 hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Xét nguyện vọng của cháu L muốn được ở cùng bố, cháu T muốn được ở cùng mẹ. Do đó HĐXX thấy cần giao cháu L cho anh V; giao cháu K, cháu T cho chị N; trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo cuộc sống ổn định tránh thay đổi không có lợi với các cháu.

[3]Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5,Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài L, sinh ngày 06/8/2006 cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 01/2021 cho tới khi cháu L thành niên. Giao cháu cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 08/4/2009 và cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/01/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 01/2021 cho tới khi các cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005858 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh P.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TV (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Viết Tú